TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI** **TỈNH QUẢNG NGÃI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2020/DS-ST
Ngày 02-6-2020
V/v: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Hồng Hoa

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Minh Tân

2. Ông Nguyễn Đình Dũng

- Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Văn Bim, là Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

Ngày 02 tháng 6 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 345/2019/TLST-DS ngày 30 tháng 12 năm 2019, về *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2020/QĐXXST-DS ngày 04-3-2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1962

Địa chỉ: Xóm K, thôn A, xã T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

2. Bị đơn: Ông Trần Đình K, sinh năm 1974 và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1979.

Cùng địa chỉ: Thôn P, xã N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

Bà L có mặt, Ông K và Bà H vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn khởi kiện ngày 06 tháng 12 năm 2019, các tài liệu có tại hồ sơ và tại phiên tòa nguyên đơn là bà Nguyễn Thị L trình bày:* Ông K và bà H có tàu giả cào đi đánh bắt cá vào bờ thì neo đậu tại cửa biển Sa Kỳ và có mua đá của bà để đi biển nên quen biết. Đầu năm 2015 bà có cho ông Trần Đình K và bà Nguyễn Thị H vay số tiền là 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng) để mua dầu đổ vào tàu ra biển đánh bắt cá. Khi tàu vào bờ thì ông K, bà H đã trả cho bà số tiền là 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng) và còn nợ lại bà 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng). Sau đó ông K, bà H tiếp tục vay của bà số tiền 80.000.000đ (Tám mươi triệu đồng), đến ngày 10-12-2015 ông K và bà H viết giấy nợ bà số tiền là 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng).

Do biển không có cá nên ông K, bà H phải chạy tàu ra miền Bắc để đánh bắt cá nên ngày 28-12-2015 ông K và bà H tiếp tục vay của bà số tiền là 170.000.000đ (Một trăm bảy mươi triệu đồng). Sau khi đánh bắt cá ở ngoài miền Bắc một thời

gian thì ông K, bà H trả cho bà 02 chỉ vàng 24K (tương đương 5.000.000 đồng), đến tháng 9 năm 2016 ông K và bà H trả cho bà số tiền 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng). Tổng cộng ông K và bà H đã trả cho bà số tiền là 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng). Đến ngày 12-12-2016 ông K viết giấy còn nợ bà tổng cộng là 250.000.000đ (Hai trăm năm mươi triệu đồng). Bà đã nhiều lần đến đòi nợ, ông K và bà H nhiều lần hứa hẹn nhưng vẫn không trả cho bà. Nay bà yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Trần Đình K và bà Nguyễn Thị H phải trả cho bà tổng số tiền nợ là 250.000.000đ (Hai trăm năm mươi triệu đồng), không yêu cầu trả tiền lãi. Ngoài ra bà không yêu cầu gì thêm.

** Bị đơn là ông Trần Đình K và bà Nguyễn Thị H không có văn bản trình bày ý kiến.*

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn là ông Trần Đình K và bà Nguyễn Thị H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung:

[2.1] Ông Trần Đình K và bà Nguyễn Thị H đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng như: Thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, các văn bản tố tụng khác nhưng ông K và bà H không đến Tòa án làm việc, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, phiên tòa xét xử và không có văn bản trình bày ý kiến phản đối những tình tiết, yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Theo quy định tại khoản 4 Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án.

[2.2] Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn phải trả số tiền nợ gốc, Hội đồng xét xử thấy rằng: Theo các giấy đề ngày 10-12-2015 và ngày 28-12-2015 do nguyên đơn cung cấp thể hiện ông Trần Đình K và bà Nguyễn Thị H có vay của bà Nguyễn Thị L số tiền 270.000.000 đồng và cam kết khi nào bà L cần thì ông K và bà H sẽ trả nợ. Đến ngày 12-12-2016 ông K viết giấy chốt số tiền còn nợ của nguyên đơn là 250.000.000 đồng. Ngày 25-01-2019 bà L có thông báo yêu cầu ông K và bà H phải trả nợ cho bà đến hết ngày 20-3-2019. Ông K đã nhiều lần cam kết trả nợ và hạn cuối là ngày 02-6-2019. Tuy nhiên, theo nguyên đơn trình bày thì ông K và bà H vẫn không thực hiện việc trả nợ cho nguyên đơn. Do đó, yêu cầu của bà L buộc ông Trần Đình K và bà Nguyễn Thị H phải trả số tiền gốc 250.000.000 đồng là có căn cứ, được chấp nhận. Nguyên đơn không yêu cầu bị đơn trả lãi nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Ông Trần Đình K và bà Nguyễn Thị H phải chịu 12.500.000 đồng (250.000.000 đồng x 5%) tiền án phí dân sự sơ thẩm do chấp nhận yêu cầu

khởi kiện của nguyên đơn. Nguyên đơn không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 điều 26, khoản 3 Điều 144, khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 235, 266, 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 471, 474 và Điều 477 của Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Khoản 2, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc ông Trần Đình K và bà Nguyễn Thị H phải trả cho bà Nguyễn Thị L số tiền nợ gốc là 250.000.000đ (Hai trăm, năm mươi triệu đồng).

2. Về án phí: Ông Trần Đình K và bà Nguyễn Thị H phải chịu 12.500.000đ (Mười hai triệu, năm trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị L số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm là 6.250.000đ (Sáu triệu, hai trăm năm mươi nghìn đồng) bà Nguyễn Thị L đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0003182 ngày 26-12-2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Quảng Ngãi.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất qui định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND TP. Quảng Ngãi;
- Chi cục THADS TP. Quảng Ngãi;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Thị Hồng Hoa